

Số: 175 /2025/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 16 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định quản lý hoạt động thoát nước
và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định về Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các Quyết định sau hết hiệu lực thi hành: Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định (cũ) ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Nam Định; Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (cũ) ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này *be*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP và các VP;
- TT Thông tin, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP4.

DAH_VP4_QĐ

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 175 /2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp (sau đây viết là khu chức năng), khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Quy định này áp dụng đối với các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quy định về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh

Lựa chọn hệ thống thoát nước (chung, riêng, nửa riêng) tại các đô thị, khu chức năng và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh phải căn cứ vào điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, công nghệ xử lý, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường cụ thể của từng khu vực, đảm bảo các quy định của pháp luật về quy hoạch, xây dựng và môi trường:

1. Đối với các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư xây dựng mới, khu công nghiệp, cụm công nghiệp bắt buộc đầu tư hệ thống thoát nước riêng.

2. Đối với các khu vực đô thị hiện hữu đã có mạng lưới thoát nước chung phải quy hoạch hệ thống thoát nước phù hợp với điều kiện hạ tầng kỹ thuật của đô thị, ưu tiên lựa chọn hệ thống thoát nước nửa riêng.

3. Đối với các khu vực còn lại thì tùy theo điều kiện cụ thể của mỗi địa phương tổ chức lựa chọn loại hệ thống thoát nước phù hợp.

Chương II

ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 3. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Ủy ban nhân dân cấp xã là chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước có phạm vi thu gom, xử lý trong địa giới hành chính quản lý.

2. Đối với hệ thống thoát nước mưa, thu gom, xử lý nước thải, xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh có phạm vi thu gom, xử lý trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã (*không bao gồm công trình thoát nước gắn liền với các tuyến đường do Sở Xây dựng quản lý theo quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ*), giao đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu đối với từng trường hợp cụ thể.

3. Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trong các khu chức năng, giao cơ quan quản lý các khu chức năng liên quan là chủ sở hữu.

4. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư và chịu trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đến khi bàn giao cho chủ sở hữu theo quy định tại Điều này.

Điều 4. Quy định về đầu tư, xây dựng

Thực hiện theo quy định từ Điều 11 đến Điều 16 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ (*Nghị định số 80/2014/NĐ-CP*) được sửa đổi, bổ sung tại Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ (*Nghị định số 140/2025/NĐ-CP*) và các quy định như sau:

1. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới phải đảm bảo tiêu thoát nước của dự án và không làm ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước hiện trạng của các khu vực lân cận xung quanh phạm vi thực hiện dự án.

2. Trường hợp chủ đầu tư các công trình thoát nước không đồng thời là chủ sở hữu thì chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao công trình cho chủ sở hữu đảm bảo quy trình về xây dựng, bao gồm cả quy trình bảo trì công trình xây dựng sau khi đã tổ chức nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng. Trường hợp chưa bàn giao được công trình cho chủ sở hữu thì chủ đầu tư có trách nhiệm bảo trì, tạm thời quản lý, vận hành công trình xây dựng.

Điều 5. Quy định về quản lý, vận hành

1. Lựa chọn đơn vị thoát nước

Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước (*đơn vị thoát nước*) do mình quản lý. Việc lựa chọn đơn vị thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa chủ sở hữu và đơn vị được giao quản lý, vận hành hệ thống thoát nước. Nội dung cơ bản, thời hạn hợp đồng và các nội dung liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Mẫu hợp đồng thực hiện theo quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BXD⁽¹⁾.

3. Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa, hệ thống hồ điều hòa, hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải thực hiện theo các quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

4. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

Hợp đồng dịch vụ thoát nước là văn bản pháp lý được ký kết giữa đơn vị thoát nước với hộ thoát nước (*trừ hộ gia đình*) xả nước thải vào hệ thống thoát nước. Nội dung hợp đồng dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Mẫu hợp đồng thực hiện theo quy định Thông tư số 04/2015/TT-BXD⁽²⁾.

5. Tiêu chuẩn dịch vụ

Đơn vị quản lý vận hành thoát nước phải xây dựng “*Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước*” đồng thời công bố với hộ thoát nước làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện dịch vụ. “*Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước*” là một tài liệu không tách rời của hợp đồng quản lý vận hành, hợp đồng dịch vụ thoát nước.

Điều 6. Quy định về xử lý nước thải tập trung, phi tập trung

1. Đối với khu vực được xử lý nước thải tập trung, nước thải phát sinh của các hộ thoát nước phải được thu gom vào hệ thống thu gom, thoát nước thải khu vực để chuyển tải về (Trạm) Nhà máy xử lý nước thải tập trung, nhằm đảm bảo tiết kiệm chi phí xây dựng và hiệu quả vận hành hệ thống thoát nước và nhà máy xử lý

⁽¹⁾ Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (*Thông tư số 04/2015/TT-BXD*) hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải

⁽²⁾ Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải

nước thải, đảm bảo việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định pháp luật; trừ trường hợp được miễn trừ đầu nối tại quy định này.

2. Tại các khu vực chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước tập trung, hệ thống thoát nước phải có các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung và thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 50 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (*Nghị định số 08/2022/NĐ-CP*) và Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

3. Các giải pháp xử lý nước thải phi tập trung được xác định, xem xét chấp thuận trong quá trình hệ thống thoát nước tổ chức thực hiện quy trình đầu tư xây dựng công trình.

Điều 7. Quy định về quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước; bùn thải từ bể tự hoại

Bùn thải từ hệ thống thoát nước và bùn thải từ bể tự hoại được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn và các quy định tại Khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 25 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 2, Điều 3 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 8. Quy định về điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải áp dụng

1. Về điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải vào hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 109 Luật Địa chất và khoáng sản 2024, Điều 40, Điều 72, Điều 86 và Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường số 2020, Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Việc quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 9. Quy định về trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước

1. Chủ sở hữu công trình thoát nước tổ chức lập, quản lý các cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước (*số hóa bản đồ hệ thống thoát nước*) để truy cập, quản lý, khai thác sử dụng và cung cấp thông tin phục vụ công tác lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và thỏa thuận đầu nối thoát nước.

2. Chủ đầu tư các công trình xây dựng có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ hoàn thành công trình; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành; quy trình bảo trì công trình sau khi công trình, hạng mục

công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng cho chủ sở hữu công trình thoát nước để làm cơ sở quản lý.

3. Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của tỉnh và phải được sự đồng ý của chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 10. Chính sách hỗ trợ về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước

Chính sách về đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định 80/2014/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

Chương III QUY ĐỊNH ĐẦU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 11. Yêu cầu về đầu nối

1. Việc đầu nối hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (*Thông tư số 15/2021/TT-BXD*).

2. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước và thực hiện đầu nối theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đầu nối.

3. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đầu nối hệ thống thoát nước.

4. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước công cộng sau khi đã có thỏa thuận đầu nối của đơn vị thoát nước.

5. Việc thiết kế, xây dựng, sửa chữa hộp đầu nối, thi công đầu nối do đơn vị thoát nước thực hiện hoặc do hộ thoát nước tổ chức thực hiện dưới sự giám sát của đơn vị thoát nước bảo đảm đúng các quy định theo thiết kế, sau khi đầu nối xong phải có biên bản nghiệm thu thi công đầu nối.

Điều 12. Cao độ điểm đầu nối

Cao độ của điểm đầu nối phải phù hợp với cao độ hệ thống thoát nước khu vực, bảo đảm cho việc thoát nước từ hộ thoát nước tới điểm đầu nối và từ điểm đầu nối tới hố kiểm tra hoặc hệ thống thoát nước chung. Cao độ điểm đầu nối được tính toán,

thiết kế trong dự án xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải trên cơ sở quy hoạch thoát nước được phê duyệt và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định.

Điều 13. Thời điểm đấu nối

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, công thu gom nước mưa, nước thải và hộp đấu nối bắt buộc phải thực hiện đấu nối trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày văn bản thỏa thuận đấu nối được ký kết hoặc thông báo của đơn vị thoát nước về thời gian, tiến độ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp hộ thoát nước tự thực hiện đấu nối nếu quá trình thực hiện gặp khó khăn về kỹ thuật, đơn vị thoát nước có trách nhiệm hỗ trợ kỹ thuật và thỏa thuận với hộ thoát nước để làm cơ sở thực hiện.

2. Đối với các hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình đã đấu nối vào hệ thống thoát nước trước khi quy định này có hiệu lực nhưng đấu nối chưa phù hợp quy định thì đơn vị thoát nước chủ động lập kế hoạch điều chỉnh đấu nối cho phù hợp với điều kiện đấu nối cụ thể của từng khu vực và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

3. Đối với các hộ thoát nước thải khác (*không phải nước thải sinh hoạt*) thì phải rà soát, điều chỉnh đấu nối đảm bảo phù hợp quy định sau khi nhận được thông báo của chủ sở hữu công trình thoát nước.

Điều 14. Xả nước thải tại điểm đấu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đấu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đấu nối và theo các quy định về đấu nối và thỏa thuận đấu nối.

Điều 15. Xác định khối lượng nước thải xả vào điểm đấu nối để tính tiền sử dụng dịch vụ thoát nước

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, nếu không có đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì khối lượng nước thải được tính bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định bằng lượng nước sạch tiêu thụ bình quân đầu người 120 lít/người/ngày đêm ($3,6m^3/người/tháng$).

2. Đối với các loại nước thải khác: Trường hợp các hộ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, nếu không có đồng hồ đo lưu lượng nước thải thì khối lượng nước thải được tính bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước; trường hợp các hộ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải (*hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư lắp đặt đồng hồ và các thiết bị bảo vệ phụ trợ khác*).

Điều 16. Thỏa thuận và miễn trừ đấu nối

1. Thỏa thuận và miễn trừ đấu nối thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hỗ trợ đấu nối vào hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền của chủ đầu tư, của hộ thoát nước; nghĩa vụ tài chính liên quan đến công tác đấu nối

1. Chủ đầu tư hệ thống thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước bao gồm mạng lưới đường cống thu gom, chuyển tải từ hộp đấu nối đến cống cấp 3, cấp 2 và cấp 1.

2. Hộ thoát nước tự chịu kinh phí đầu tư xây dựng và quản lý công trình thoát nước thải trong phạm vi công trình, nhà ở của mình đến hộp đấu nối (*bao gồm đường ống thoát nước mưa, đường ống thoát nước thải, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đối với hộ không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, các thiết bị bảo vệ*), hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng khi thi công.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm báo cáo chủ sở hữu hệ thống thoát nước về tình hình hoạt động của hệ thống thoát nước được giao quản lý, vận hành.

2. Chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng tình hình quản lý hoạt động thoát nước thuộc khu vực, địa bàn được phân cấp hoặc được giao đại diện chủ sở hữu quản lý.

3. Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án về tình hình đầu tư, triển khai dự án đầu tư, quản lý hoạt động thoát nước thuộc phạm vi dự án do mình làm chủ đầu tư.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Thực hiện thẩm định hoặc cho ý kiến về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo thẩm quyền, quy định của pháp luật về giá.

4. Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động thoát nước.

5. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý thoát nước đô thị và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

Điều 20. Trách nhiệm đối với các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải, bao gồm cả hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo phân cấp, phân quyền và quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. Chủ trì giám sát chất lượng nước thải xả thải vào nguồn tiếp nhận, kiểm tra và xử lý các vi phạm về bảo vệ môi trường của các công trình thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi. Chỉ đạo các đơn vị quản lý công trình thủy lợi phối hợp với đơn vị vận hành hệ thống thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống ngập úng và bảo vệ công trình thủy lợi.

d) Chủ trì tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường có nội dung về xả nước thải vào nguồn tiếp nhận của các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài chính

a) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định, cho ý kiến về giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền, quy định của pháp luật về giá.

b) Tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải; là đầu mối quản lý tài chính các nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thẩm định, góp ý về mô hình, công nghệ của các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

b) Ưu tiên bố trí nguồn lực cho việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật trong công nghệ xử lý nước thải và biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt.

4. Sở Y tế: Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý thu gom, xử lý nước thải tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành.

5. Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu đại học Nam Cao và Khu công nghệ cao, đơn vị quản lý cụm công nghiệp, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được giao đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu chức năng thuộc phạm vi quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu.

c) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong phạm vi quản lý.

d) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu chức năng; tập hợp lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hàng năm (*trước ngày 15 tháng 12*) và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các công trình hệ thống thoát nước được tỉnh phân cấp; tổ chức thực hiện quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được giao chủ sở hữu.

2. Tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch, lộ trình đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo, mở rộng hệ thống công trình thu gom riêng nước mưa và công trình thu gom, xử lý nước thải được giao chủ sở hữu theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BXD.

3. Thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

4. Báo cáo nội dung công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo yêu cầu hoặc định kỳ hàng năm về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý.

Điều 22. Trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Quản lý cao độ hệ thống thoát nước, quản lý vận hành hệ thống thoát nước theo quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hàng năm xây dựng kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện công tác quản lý, duy trì, nạo vét thường xuyên hệ thống thoát nước trong phạm vi quản lý; bổ sung, cập nhật hồ sơ, cơ sở dữ liệu, thực hiện duy trì đối với hệ thống thoát nước mới được tiếp nhận; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát công tác đấu nối, sau đấu nối hệ thống thoát nước đảm bảo chất lượng, yêu cầu thoát nước trên địa bàn thuộc phạm vi được giao quản lý, vận hành.

3. Thông báo bằng văn bản tới chính quyền địa phương, hộ thoát nước về kế hoạch triển khai các dự án bổ sung, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước để các hộ thoát nước biết, chủ động trong công tác đấu nối thoát nước. Thực hiện giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các hộ thoát nước trong công tác đấu nối đảm bảo kỹ thuật, yêu cầu thoát nước.

4. Giám sát việc xây dựng các công trình thu gom của các hộ thoát nước theo hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký; điều chỉnh mẫu hợp đồng dịch vụ thoát nước hoặc phụ lục hợp đồng dịch vụ thoát nước (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống thoát nước phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết; bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định; phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm đối với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thuộc phạm vi được giao quản lý.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.